

KNOWLEDGE AND PRACTICE ON DROWNING PREVENTION OF STUDENTS OF A HIGH SCHOOL IN ME LINH DISTRICT, HANOI CITY IN 2023

Nguyen Thi Luong^{1*}, Nguyen Bich Diep², Hoang Duc Phuc³

¹ Me Linh District Medical Center – Dai Thinh commune, Me Linh District, Hanoi, Vietnam

² Hanoi Medical University – No.1 Ton That Tung s.t, Dong Da district, Hanoi, Vietnam

³ Hanoi Health Department – No.4 Tay Son st., Ba Dinh district, Hanoi, Vietnam

Received: 19/05/2024

Revised: 30/05/2024; Accepted: 10/06/2024

ABSTRACT

Objective: Describe the knowledge and practice of drowning prevention of students at Pham Hong Thai Secondary School, Thach Da commune, Me Linh district, Hanoi city, 2023.

Subject and method: A Cross-sectional descriptive study conducted on 828 students from grades 6 to 9 studying at Pham Hong Thai secondary school from September 2023 to April 2024.

Results: The percentage of students at Pham Hong Thai Secondary School, Me Linh district, Hanoi city with good knowledge about drowning prevention was 52.7%. The percentage of students with good practices in drowning prevention was 34.7%. 47.5% of students knew how to swim, of which 44.7% of students practiced good safety when swimming. When encountering dangerous situations underwater, 86.2% of students practiced drowning self-rescue skills well. The rate of 50.2% of students practiced well to ensure safety when traveling by water. The percentage of students practicing well in rescuing drowning victims and providing first aid to drowning victims were 57.5% and 44.3%, respectively.

Conclusion: The current state of knowledge and practice of drowning prevention among middle school students is still low. Intervention programs on teaching swimming skills and self-rescue skills, rescuing drowning victims and first aid for drowning need to be implemented in school health programs.

Keywords: Drowning, students, knowledge, practice, drowning prevention

* Corresponding author
E-mail: luongtlu90@gmail.com
Phone number: (+84) 979 509 049
<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1269>



KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ PHÒNG CHỐNG ĐUỐI NƯỚC CỦA HỌC SINH MỘT TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THUỘC HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2023

Nguyễn Thị Lương^{1*}, Nguyễn Bích Diệp², Hoàng Đức Phúc³

¹ Trung tâm Y tế huyện Mê Linh – Xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

² Trường Đại học Y Hà Nội – Số 1 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

³ Sở Y tế Hà Nội – Số 4 Tây Sơn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 19/05/2024

Chỉnh sửa ngày: 30/05/2024; Ngày duyệt đăng: 10/06/2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh Trường trung học cơ sở Phạm Hồng Thái, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, năm 2023.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 828 học sinh từ khối 6 đến khối 9 đang theo học tại trường trung học cơ sở Phạm Hồng Thái từ tháng 9/2023 đến tháng 4/2024.

Kết quả: Tỷ lệ học sinh tại trường Trung học cơ sở Phạm Hồng Thái, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước là 52,7%. Tỷ lệ học sinh có thực hành đạt về phòng chống đuối nước là 34,7%. Có 47,5% học sinh biết bơi, trong đó có 44,7% học sinh thực hành đạt an toàn khi bơi. Khi gặp tình huống nguy hiểm dưới nước, 86,2% học sinh thực hành tốt kỹ năng tự cứu đuối. Tỷ lệ 50,2% học sinh thực hành tốt đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng đường thủy. Tỷ lệ học sinh thực hành tốt cứu nạn nhân đuối nước và sơ cấp cứu nạn nhân đuối nước lần lượt là 57,5% và 44,3%.

Kết luận: Thực trạng kiến thức và thực hành phòng chống đuối nước ở lứa tuổi học sinh trung học cơ sở còn thấp. Các chương trình can thiệp về giảng dạy kỹ năng bơi lội và các kỹ năng tự cứu đuối, cứu nạn nhân đuối nước và sơ cấp cứu đuối nước cần được triển khai trong các chương trình sức khỏe học đường.

Từ khóa: Đuối nước, học sinh, kiến thức, thực hành, phòng chống đuối nước.

* Tác giả liên hệ
E-mail: luongtlu90@gmail.com
Điện thoại: (+84) 979 509 049
<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD5.1269>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đuối nước là nguyên nhân hàng đầu gây ra tử vong trên toàn cầu. Theo báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), ước tính khoảng 346.000 người thiệt mạng do đuối nước năm 2019. Hơn 50% số ca tử vong xảy ra ở người dưới 30 tuổi. Đuối nước xếp thứ sáu trong số nguyên nhân gây tử vong cho trẻ từ 5-14 tuổi. Khoảng hơn 90% số ca tử vong do đuối nước trên toàn cầu xảy ra ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình [1]. Tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, nhóm trẻ em từ 5-14 tuổi có nguy cơ tử vong do đuối nước cao nhất, cao gấp hai lần so với trung bình của toàn cầu [2]. Tại Việt Nam, trong giai đoạn 2016-2020, trung bình mỗi năm có hơn 2.000 trẻ em tử vong do đuối nước, tuy đã giảm dần qua các năm nhưng đuối nước luôn là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong do tai nạn, thương tích ở trẻ em và người chưa thành niên. Tỷ suất tử vong do đuối nước ở trẻ em từ 0-14 tuổi tại Việt Nam cao hơn so với tỷ suất tử vong ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (4,2/100.000) và toàn cầu (4,1/100.000); thấp hơn các nước thu nhập thấp và cao gần gấp 10 lần các nước phát triển [2]. Đuối nước có thể phòng ngừa bằng các biện pháp can thiệp khác nhau bao gồm sự tham gia của cộng đồng, nâng cao nhận thức về phòng chống đuối nước của người dân thông qua các biện pháp tuyên truyền, giảng dạy. Hướng dẫn phòng chống đuối nước của WHO năm 2017 đã chỉ ra sáu tiếp cận can thiệp để phòng chống đuối nước, một trong số can thiệp đó là dạy trẻ em các kỹ năng bơi lội và an toàn dưới nước [3]. Đối với trẻ từ 5 – 14 tuổi, phòng chống đuối nước có thể dự phòng bằng việc cung cấp cho trẻ kiến thức, kỹ năng an toàn trong môi trường nước và sơ cứu là các biện pháp phòng ngừa hiệu quả [4]. Một nghiên cứu thực hiện tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội cho thấy tỷ lệ trẻ em có kiến thức về phòng chống đuối nước còn thấp là 34,92% và tỷ lệ trẻ thực hành tốt về phòng chống đuối nước chỉ đạt 6,3% [5]. Nghiên cứu được triển khai với mục tiêu mô tả kiến thức, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh trường Trung học cơ sở Phạm Hồng Thái, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội từ đó cung cấp cơ sở khoa học giúp xây dựng các chương trình truyền thông về phòng chống đuối nước phù hợp cho trẻ em.

Mục tiêu:

Mô tả kiến thức, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh Trường trung học cơ sở Phạm Hồng Thái, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, năm 2023.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế mô tả cắt ngang

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện tại Trường THCS Phạm Hồng Thái, huyện

Mê Linh, thành phố Hà Nội từ tháng 9/2023 đến tháng 4/2024

2.3. Đối tượng nghiên cứu: Trẻ từ 11-14 tuổi đang học tại trường THCS Phạm Hồng Thái

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu một tỷ lệ với ước lượng $P=0,34\%$ dựa theo tỷ lệ học sinh có kiến thức tốt về phòng chống đuối nước trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Phương [6]. Hiệu lực thiết kế ($DE=2$) do chọn mẫu cụm hai giai đoạn. Tính ra cỡ mẫu cần thu thập $n=768$ đối tượng.

Chọn mẫu bằng phương pháp chọn mẫu cụm hai giai đoạn. Trong đó cụm được định nghĩa là 1 lớp. Chọn cụm bằng cách bốc thăm ngẫu nhiên chọn ra 5 lớp/khối (chọn 20 lớp). Chọn toàn bộ học sinh trong một lớp đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn tham gia nghiên cứu.

Trên thực tế có 828 học sinh tham gia nghiên cứu.

2.5. Biến số nghiên cứu

- Thông tin chung của học sinh: tuổi, giới tính, kết quả học tập
- Kiến thức về phòng chống đuối nước: hậu quả, nguyên nhân, nguy cơ đuối nước, kỹ năng tự cứu khi gặp nguy hiểm dưới nước, cứu đuối, sơ cấp cứu nạn nhân đuối nước, đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng phương tiện đường thủy.
- Thực hành về phòng chống đuối nước: phòng tránh nguy cơ gây đuối nước, an toàn khi bơi, tự cứu khi gặp tình huống nguy hiểm dưới nước, đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng đường thủy, cứu nạn nhân đuối nước, sơ cấp cứu nạn nhân đuối nước.

2.6. Tiêu chuẩn đánh giá

Kiến thức về phòng chống đuối nước được đánh giá bằng 13 nhóm kiến thức nhỏ tương đương với 13 câu hỏi. Với mỗi đáp án lời đúng, học sinh được 1 điểm, sai được 0 điểm. Tổng điểm kiến thức chung của học sinh tối đa là 51 điểm. Học sinh được đánh giá có kiến thức đạt khi đạt $\geq 50\%$ tổng điểm chung.

Thực hành về phòng chống đuối nước được đánh giá bằng 6 nhóm thực hành. Với nhóm thực hành tránh nguy cơ đuối nước: tất cả học sinh trong cỡ mẫu được đánh giá. Với 5 nhóm thực hành còn lại: an toàn khi bơi; tự cứu khi gặp tình huống nguy hiểm dưới nước; đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng đường thủy; cứu nạn nhân đuối nước; sơ cấp cứu nạn nhân đuối nước: chỉ đánh giá thực hành với các học sinh có tham gia trong vòng 6 tháng trước thời điểm nghiên cứu. Đánh giá thực hành đạt của học sinh ở mỗi nhóm thực hành khi học sinh đã thực hành đúng tất các hành động an toàn được nêu ra. Học sinh được đánh giá thực hành chung về phòng chống đuối nước tốt khi thực hành đạt ở thực hành tránh nguy cơ gây đuối nước và thực hành đạt ở mỗi nhóm thực hành mà học sinh đó tham gia.

2.7. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu:

Thu thập số liệu bằng hình thức phát vấn bằng bộ câu hỏi có cấu trúc gồm 3 phần: thông tin chung của đối tượng, kiến thức về phòng chống đuối nước, thực hành về phòng chống đuối nước. Quy trình thu thập số liệu theo các bước sau:

Bước 1: Liên hệ địa điểm nghiên cứu.

Bước 2: Tập huấn điều tra viên. Điều tra viên là 20 giáo viên chủ nhiệm của 20 lớp tham gia nghiên cứu.

Bước 3: Gửi giấy xác nhận đồng ý tham gia nghiên cứu cho người giám hộ của học sinh. Lập danh sách các học sinh đồng ý tham gia nghiên cứu.

Bước 4: Tiến hành phát vấn cho học sinh trả lời trực tiếp vào phiếu điều tra. Trong quá trình học sinh trả lời, điều tra viên bao quát lớp và giải đáp các câu hỏi của học sinh.

2.8. Xử lý và phân tích số liệu: Nghiên cứu nhập liệu bằng phần mềm Microsoft Excel và phân tích bằng phần mềm SPSS20.0

2.9. Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu không phát sinh các vấn đề rủi ro và đối tượng nghiên cứu được giải thích về mục đích và nội dung của nghiên cứu, cử tham gia của đối tượng nghiên cứu là tự nguyện và có sự đồng ý của người giám hộ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu (n=828)

Thông tin		Tần số (n)	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	452	54,6
	Nữ	376	45,4
Khối lớp	Lớp 6	224	27,1
	Lớp 7	210	25,4
	Lớp 8	203	24,5
	Lớp 9	191	23,1
Kết quả học tập học kỳ 1 năm học 2023-2024	Xuất sắc	71	8,6
	Giỏi	171	20,7
	Khá	428	51,7
	Trung bình	148	17,9
	Yếu	10	1,2

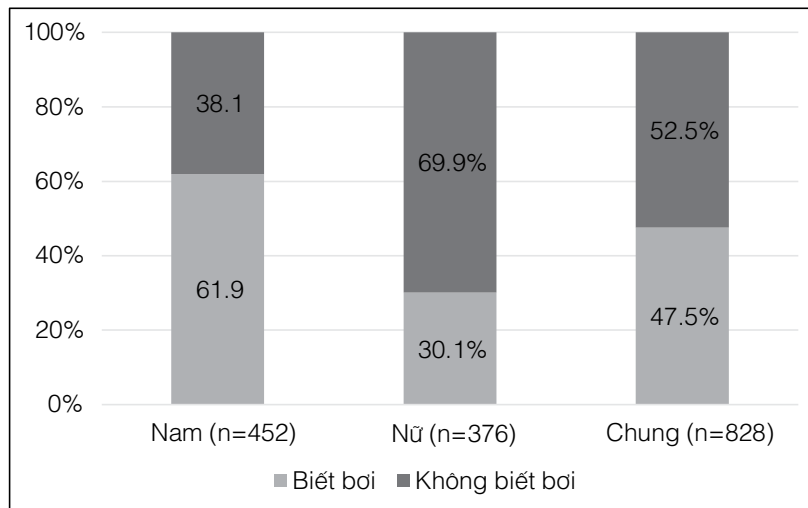
Tỷ lệ học sinh nam và học sinh nữ lần lượt là 54,6% và 45,4%. Phân bố học sinh đồng đều ở 4 khối lớp. Về kết quả học tập kỳ 1 năm học 2023 - 2024, tỷ lệ học sinh có học lực xuất sắc chiếm 8,6%, học sinh giỏi chiếm 20,7%, học sinh khá chiếm 51,7%, học sinh trung bình và yếu chiếm 19,1%.

Bảng 3.2. Kiến thức của học sinh về các nhóm kiến thức phòng chống đuối nước (n=828)

STT	Nội dung kiến thức	Kiến thức đạt	
		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
1	Hậu quả của đuối nước	370	44,7
2	Nguyên nhân xảy ra đuối nước	267	32,2
3	Kiến thức về những khu vực nguy cơ đuối nước trong gia đình	50	6,0
4	Kiến thức về những khu vực nguy cơ đuối nước ở môi trường tự nhiên	308	37,2
5	Kiến thức về việc đuối nước có thể phòng chống hoặc giảm thiểu hậu quả	601	72,6
6	Kiến thức về các biện pháp phòng tránh đuối nước	430	51,9
7	Kiến thức về các tiêu chuẩn của một người biết bơi	396	47,8
8	Kiến thức về các hành động nên thực hiện khi gặp nguy hiểm ở dưới nước	459	55,4
9	Kiến thức về các hành động nên thực hiện khi gặp người bị đuối nước	425	51,3
10	Kiến thức về các vật dụng thường được sử dụng để cứu đuối	274	33,1
11	Kiến thức về sơ cấp cứu nạn nhân đuối nước	334	40,3
12	Kiến thức về các biện pháp đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng phương tiện đường thủy	545	65,8
	Kiến thức chung về phòng chống đuối nước của học sinh	426	51,2

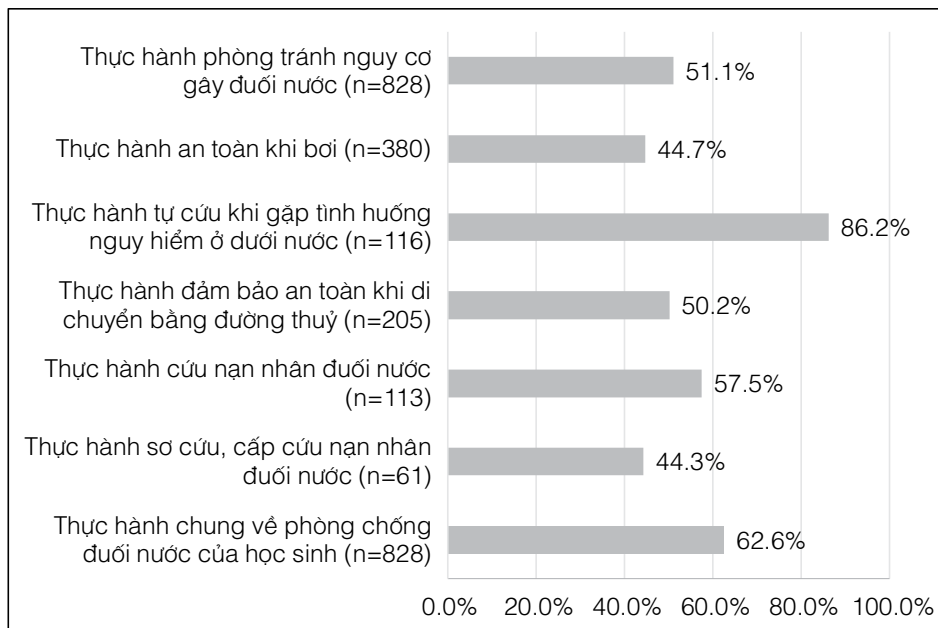
Kết quả phân tích tỷ lệ kiến thức được đạt của học sinh tại từng nhóm kiến thức về phòng chống đuối nước cho thấy: tỷ lệ kiến thức đạt cao nhất ở kiến thức về việc “Đuối nước có thể phòng chống hoặc giảm thiểu hậu quả” đạt (72,6%); tiếp theo đó là nhóm “Kiến thức về các biện pháp đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng phương tiện đường thủy” (65,8%). Nhóm “Kiến thức về những khu vực nguy cơ đuối nước trong gia đình” có tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt thấp nhất chiếm 6,0%. Kết quả phân tích kiến thức chung về phòng chống đuối nước của học sinh tham gia nghiên cứu cho thấy, có 52,7% có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước (đạt ≥50% số điểm kiến thức).

Biểu đồ 3.1. Thực trạng biết bơi của học sinh (n=828)



Trong số học sinh tham gia nghiên cứu, tỷ lệ học sinh biết bơi chiếm 47,5%. Trong số học sinh nam, tỷ lệ biết bơi chiếm 61,9%. Trong số học sinh nữ, tỷ lệ biết bơi chiếm 30,1%.

Biểu đồ 3.2. Phân bố thực hành đạt về phòng chống đuối nước của học sinh ở từng nhóm thực hành



Kết quả phân tích tỷ lệ thực hành đạt của học sinh tại từng nhóm thực hành về phòng chống đuối nước trong các trường hợp các em tham gia cho thấy: tỷ lệ học sinh có thực hành đạt cao nhất ở nhóm “thực hành tự cứu khi gặp tình huống nguy hiểm ở dưới nước” đạt (86,2%); tiếp theo đó là nhóm “Thực hành cứu nạn nhân đuối nước” (57,5%). Nhóm “Thực hành an toàn khi bơi” và nhóm “Thực hành sơ cứu, cấp cứu nạn nhân đuối nước” có tỷ lệ học sinh thực hành đạt thấp nhất lần lượt là 44,7% và 44,3%. Kết quả phân tích thực hành chung về phòng chống đuối nước của học sinh tham gia nghiên cứu cho thấy, có 37,4% học sinh có thực hành tốt về

phòng chống đuối nước (thực hành đạt ở tất cả các nhóm thực hành học sinh tham gia).

4. BÀN LUẬN

Đối tượng tham gia nghiên cứu là học sinh trung học cơ sở (THCS) (lứa tuổi 11-14 tuổi hay gọi là lứa tuổi dậy thì), đây là thời kỳ quá độ của quá trình từ trẻ con thành người lớn nên trẻ có nhiều thay đổi về cả thể chất lẫn tinh thần. Những tác động của thế giới xung quanh trong giai đoạn này hình thành nên nhân cách của trẻ sau khi trưởng thành. Tỷ lệ học sinh nam tham gia nghiên cứu nhiều hơn học sinh nữ (lần lượt 54,6% và 45,4%).

Kết quả của chúng tôi cho thấy, tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước đạt 52,7%. Kết quả này cao hơn so với tỷ lệ 34,9% học sinh có kiến thức tốt trong nghiên cứu của Nguyễn Hoài Linh (2021) và tỷ lệ 48% trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Phương (2017) [5,6]. Tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt cao hơn ở các nhóm kiến thức về “đuối nước có thể phòng chống hoặc giảm thiểu hậu quả” (72,6% đạt); “kiến thức về các biện pháp đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng đường thủy” (65,8% đạt), “kiến thức về tự cứu khi gặp nguy hiểm dưới nước” (55,4% đạt), “kiến thức về các biện pháp phòng chống đuối nước” (51,9% đạt). Ngược lại các nhóm kiến thức có tỷ lệ đạt thấp là “kiến thức về các vật dụng thường được sử dụng để cứu đuối” (33,1% đạt), “nguyên nhân xảy ra đuối nước” (32,2% đạt), “kiến thức về những khu vực nguy cơ đuối nước trong gia đình” (6,0% đạt). Các nhóm kiến thức còn lại có tỷ lệ học sinh đạt dao động trong khoảng 37,2%-47,8%. So sánh với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hoài Linh (2021) cho thấy tỷ lệ cao hơn với 94% học sinh cho rằng đuối nước có thể phòng tránh được, tuy nhiên chỉ 9,5% học sinh có kiến thức về các khu vực có nguy cơ đuối nước trong gia đình, tỷ lệ học sinh có kiến thức về các khu vực có nguy cơ đuối nước ngoài tự nhiên cao hơn với 90,2% (ao, hồ, giếng) và 34,3% (bãi biển) [5].

Tỷ lệ học sinh biết bơi trong nghiên cứu của chúng tôi là 47,5%, trẻ em nam biết bơi nhiều hơn trẻ em nữ (tỷ lệ lần lượt là 61,9% và 30,1%). Có thể thấy tỷ lệ học sinh biết bơi còn thấp, trong khi đó biết bơi và tự cứu khi gặp nguy hiểm dưới nước là kỹ năng quan trọng nhất trong thực hành phòng chống đuối nước. Tại địa bàn nghiên cứu – huyện Mê Linh, nơi các em sinh sống và học tập có rất nhiều ao hồ, sông tiềm ẩn nhiều nguy cơ đuối nước. Do vậy, việc tuyên truyền phụ huynh học sinh cho các em tham gia các lớp dạy kỹ năng bơi lội và nâng cao nhận thức về phòng chống đuối nước cho các em là hết sức cần thiết. Kết quả này cũng tương tự với tỷ lệ chỉ 40,5% học sinh THCS ở thành phố Huế biết bơi (2022) [7]. Tỷ lệ học sinh biết bơi ở một trường THCS huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội (2021) là 41,9% [5]. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 51,1% học sinh thực hành tốt về phòng tránh nguy cơ đuối nước và 44,7% có thực hành tốt an toàn khi bơi. Kết quả thấp hơn trong nghiên cứu của Võ Minh Hoàng và cộng sự (2022), tỷ lệ học sinh biết phòng tránh các nguy cơ đuối nước lần lượt là: không chơi gần ao, hồ, sông, giếng nước (80,8%), bơi khi có người giám sát hay người lớn đi cùng (77,5%) [7]. Tỷ lệ học sinh thực hành tốt tự cứu khi gặp tình huống nguy hiểm dưới nước khá cao (86,2%), tỷ lệ thực hành kỹ năng này của học sinh trong nghiên cứu của Nguyễn Hoài Linh chỉ đạt 45,8% [5]. Về thực hành đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng đường thủy, 50,2% học sinh trong nghiên cứu thực hành tốt. Tỷ lệ này trong nghiên cứu khác cũng tương tự, còn nhiều học sinh không mặc áo phao khi đi ghe thuyền (39,4%) [7]. Về thực hành cứu nạn nhân đuối nước và sơ cấp cứu nạn nhân đuối

nước có tỷ lệ học sinh thực hành tốt lần lượt là 57,5% và 44,3%. Trong một nghiên cứu khác, tỷ lệ học sinh nhảy xuống cứu người là 46,1% [7], điều này khá nguy hiểm do trẻ 11-14 tuổi còn nhỏ các kỹ năng này còn hạn chế. Một số kỹ năng xử trí khác được học sinh thực hiện cao hơn khi thấy người bị đuối nước là hô hoán, gọi người đến giúp (87,2%), tìm các dây dầm, vật nổi ném cho nạn nhân bám vào (81,9%) [7]. Tỷ lệ học sinh có thể thực hiện sơ cứu cấp cứu nạn nhân đuối nước cao hơn so với nghiên cứu này với 72,4% học sinh có thể hô hấp nhân tạo cho học sinh [7].

Tỷ lệ học sinh trong nghiên cứu có thực hành chung đạt về phòng chống đuối nước chiếm 37,4%. Tỷ lệ này tương tự nghiên cứu ở học sinh tại thành phố Huế (38,0%) và cao hơn nhiều so với nghiên cứu ở học sinh huyện Hoài Đức với chỉ 6,3% học sinh có thực hành tốt [5,7]. Từ các kết quả cho thấy tỷ lệ thực hành phòng tránh đuối nước chung ở học sinh trung học cơ sở còn thấp, các chương trình can thiệp về dạy kỹ năng bơi lội và các kỹ năng tự cứu đuối, cứu nạn nhân đuối nước và sơ cấp cứu đuối nước cần được thực hiện quyết liệt hơn trong trường học để giảm tỷ lệ đuối nước ở lứa tuổi này.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ học sinh tại trường Trung học cơ sở Phạm Hồng Thái, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội có kiến thức đạt về phòng chống đuối nước là 52,7%. Tỷ lệ học sinh có thực hành đạt về phòng chống đuối nước là 34,7%. Có 47,5% học sinh biết bơi, trong đó có 44,7% học sinh thực hành đạt an toàn khi bơi. Khi gặp tình huống nguy hiểm dưới nước, 86,2% học sinh thực hành tốt kỹ năng tự cứu đuối. Tỷ lệ 50,2% học sinh thực hành tốt đảm bảo an toàn khi di chuyển bằng đường thủy. Các chương trình can thiệp về giảng dạy kỹ năng bơi lội và các kỹ năng tự cứu đuối, cứu nạn nhân đuối nước và sơ cấp cứu đuối nước cần được triển khai trong các chương trình sức khỏe học đường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Health Organization, Drowning, 2023, Available from: <https://www.who.int/health-topics/drowning#tab=tab—1> [cited 7/8/2023].
- [2] World Health Organization, New life-saving drowning prevention program in Vietnam launched today, 2018. Available from: <https://www.who.int/vietnam/news/detail/26/06/2018-new-life-saving-drowning-prevention-program-in-vietnam-launched-today> [cited 7/8/2023].
- [3] World Health Organization. Preventing drowning: An implementation guide, 2014. Available from: <https://www.who.int/publications/i/item/preventing-drowning-an-implementation-guide> [cited 7/8/2023].

- [4] Phạm Việt Cường, Đuối nước và phòng chống đuối nước cho trẻ em, Tạp chí Y tế Công Cộng, 2009, 13.
- [5] Nguyễn Hoài Linh, Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội năm 2020, Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khoẻ và Phát triển, 2021, Tập 5 số 1 – 2021: 133-140
- [6] Nguyễn Thị Minh Phượng, Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan đến phòng tránh đuối nước của trẻ từ 10 -15 tuổi tại phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An năm 2017. Thư viện trường Đại học Y tế công cộng, 2017. Available from: <http://opac/huph/edu.vn> [cited 7/8/2023].
- [7] Võ Minh Hoàng, Ngô Quý Trân, Hoàng Trần An Phương & cs, Thực trạng và kỹ năng phòng chống tai nạn giao thông và đuối nước của học sinh trung học cơ sở ở thành phố Huế, Tạp chí Y học Việt Nam, 2024, Tập 534 Số 1 tháng 1 – 2024: 109-113.

